

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán
thu ngân sách thành phố, các phường năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA
KHÓA XX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban
Thường vụ Quốc Hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành
phố về dự toán thu, chi ngân sách địa phương thành phố Sơn La năm 2022; Nghị
quyết số 65/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố về phân bổ dự
toán chi ngân sách thành phố và mức bổ sung cân đối ngân sách cho các xã,
phường năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 514/TTr-UBND ngày 26/11/2022 của Ủy ban nhân dân
thành phố; Báo cáo thẩm tra số 224/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế
- Xã hội HĐND thành phố và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách thành phố,
các phường năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách thành phố năm 2022

- Tăng thu thuế CTN ngoài quốc doanh (NS huyện), số tiền: 1.435 triệu đồng.
- Giảm thu thuế CTN ngoài quốc doanh (NS xã), số tiền: 1.435 triệu đồng.

- Tăng số chi bổ sung cân đối năm 2022 đối với các phường, số tiền: 430,5 triệu đồng.

(Theo quy định tại Nghị quyết Số: 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh nguồn thu thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên (thuộc nguồn thuế CTN ngoài quốc doanh) điều tiết ngân sách huyện 70%; ngân sách xã 30%)

2. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách phường Tô Hiệu, Quyết Thắng, Chiềng Cơi năm 2022

- Điều chỉnh giảm số thu ngân sách trên địa bàn, tổng số: 1.435 triệu đồng, trong đó số thu điều tiết ngân sách xã: 430,5 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng số thu bổ sung cân đối, số tiền 430,5 triệu đồng.

3. Các nội dung khác không thay đổi, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố về dự toán thu, chi ngân sách địa phương thành phố Sơn La năm 2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố về phân bổ dự toán chi ngân sách cấp thành phố và mức bổ sung cân đối ngân sách cho các xã, phường năm 2022.

(Chi tiết biểu 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu HĐND thành phố và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thành phố Sơn La khoá XX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT thành uỷ;
- TT HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố khóa XIX;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, 60b.



CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN BỔ SUNG TRỢ CẤP CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH CÁC PHƯỜNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

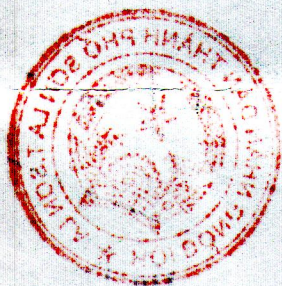
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	XÃ, PHƯỜNG	Số BSCĐ từ NSTP cho ngân sách cấp xã đã giao năm 2022	Số điều chỉnh tăng	Số BSCĐ cho cấp xã năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:	8.066,6	430,5	8.497,1	
1	Tô Hiệu	2.568,8	96,0	2.664,8	
2	Quyết Thắng	2.281,8	139,5	2.421,3	
3	Chiềng Cơi	3.216,0	195,0	3.411,0	

CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH (THEO PHÂN CẤP NGÂN SÁCH) NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Nội dung thu	DỰ TOÁN THU ĐÃ GIAO 2022				ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN				DỰ TOÁN THU 2022 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
			Ngân sách tỉnh, TỰ	Ngân sách thành phố	NS huyện		NS xã	Ngân sách tỉnh, TỰ	Ngân sách thành phố		NS huyện	NS xã	Ngân sách tỉnh, TỰ	Ngân sách thành phố	NS huyện
	TỔNG CỘNG	745.000,0	305.665,0	439.335,0	427.115,2	12.219,8	-	-	1.435,0	(1.435,0)	745.000,0	305.665,0	439.335,0	428.550,2	10.784,8
1	Thu từ khu vực DN địa phương	2.200,0	1.400,0	800,0	800,0		-	-			2.200,0	1.400,0	800,0	800,0	
2	Thuế CTN ngoài quốc doanh	107.700,0	400,0	107.300,0	102.290,2	5.009,8	-	-	1.435,0	(1.435,0)	107.700,0	400,0	107.300,0	103.725,2	3.574,8
3	Thu lệ phí trước bạ	66.000,0		66.000,0	64.596,0	1.404,0	-	-			66.000,0		66.000,0	64.596,0	1.404,0
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600,0		600,0	458,5	141,5	-	-			600,0		600,0	458,5	141,5
5	Thu phí, lệ phí	7.500,0	500,0	7.000,0	6.041,0	959,0	-	-			7.500,0	500,0	7.000,0	6.041,0	959,0
6	Thu tiền sử dụng đất	485.000,0	286.000,0	199.000,0	199.000,0		-	-			485.000,0	286.000,0	199.000,0	199.000,0	
7	Thuế thu nhập cá nhân	23.000,0		23.000,0	18.561,5	4.438,5	-	-			23.000,0		23.000,0	18.561,5	4.438,5
8	Tiền thuế đất, thuế mặt nước	42.000,0	9.000,0	33.000,0	33.000,0		-	-			42.000,0	9.000,0	33.000,0	33.000,0	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	2.200,0	1.630,0	570,0	570,0		-	-			2.200,0	1.630,0	570,0	570,0	
10	Thu khác ngân sách	8.800,0	6.735,0	2.065,0	1.798,0	267,0	-	-			8.800,0	6.735,0	2.065,0	1.798,0	267,0

CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến

ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ SƠN LA NĂM 2022
PHƯỜNG TÔ HIỆU; PHƯỜNG QUYẾT THẮNG VÀ PHƯỜNG CHIỀNG CỎI
(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung thu	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO NĂM 2022		PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH				DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	
		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã	Tổng số		Trong đó: Ngân sách xã		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	Tổng số	26.483,57	13.762,47	430,50	(1.435,00)	430,50	(430,50)	25.479,07	13.762,47
A	PHƯỜNG TÔ HIỆU	7.909,77	4.214,47	96,00	(320,00)	96,00	(96,00)	7.685,77	4.214,47
	TỔNG THU NGÂN SÁCH:	7.909,77	4.214,47	96,00	(320,00)	96,00	(96,00)	7.685,77	4.214,47
A	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	8.004,20	8.005,20	8.006,20	8.007,20	8.008,20	8.009,20	8.010,20	8.011,20
I	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	5.341,00	1.645,70	-	(320,00)	-	(96,00)	5.021,00	1.549,70
1	Các khoản thu hưởng 100%	62,00	62,00	-	-	-	-	62,00	62,00
1.1	Thu hoa lợi công sản	-	-					-	-
1.2	Thu khác ngân sách	10,00	10,00					10,00	10,00
1.3	Thu phí, lệ phí tại xã, phường	52,00	52,00					52,00	52,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	5.279,00	1.583,70	-	(320,00)	-	(96,00)	4.959,00	1.487,70
2.1	Thu từ HDKD của các hộ kinh doanh	2.666,00	799,80	-	(320,00)	-	(96,00)	2.346,00	703,80
	- Lệ phí môn bài	148,00	44,40					148,00	44,40
	- Thuế giá trị gia tăng	2.518,00	755,40		(320,00)		(96,00)	2.198,00	659,40
2.2	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	34,00	10,20					34,00	10,20
2.3	Thuế tài nguyên	70,00	21,00					70,00	21,00
2.4	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	670,00	201,00					670,00	201,00

STT	Nội dung thu	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO NĂM 2022		PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH				DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	
		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã	Tổng số		Trong đó: Ngân sách xã		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
2.5	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động kinh doanh	1.268,00	380,40					1.268,00	380,40
2.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70,00	21,00					70,00	21,00
2.7	Lệ phí trước bạ nhà đất	501,00	150,30					501,00	150,30
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	2.568,77	2.568,77	96,00	-	96,00	-	2.664,77	2.664,77
1	Bổ sung trợ cấp cân đối ngân sách	2.568,77	2.568,77	96,00		96,00		2.664,77	2.664,77
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-					-	-
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	-	-					-	-
B	THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	-	-					-	-
-	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	-	-					-	-
B	PHƯỜNG QUYẾT THẮNG	11.745,80	5.198,00	139,50	(465,00)	139,50	(139,50)	11.420,30	5.198,00
	TỔNG THU NGÂN SÁCH:	11.745,80	5.198,00	139,50	(465,00)	139,50	(139,50)	11.420,30	5.198,00
A	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	11.745,80	11.746,80	11.747,80	11.748,80	11.749,80	11.750,80	35.242,40	35.247,40
I	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	9.464,00	2.916,20	-	(465,00)	-	(139,50)	8.999,00	2.776,70
1	Các khoản thu hưởng 100%	110,00	110,00	-	-	-	-	110,00	110,00
1.1	Thu hoa lợi công sản	-	-					-	-
1.2	Thu khác ngân sách	30,00	30,00					30,00	30,00
1.3	Thu phí, lệ phí tại xã, phường	80,00	80,00					80,00	80,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	9.354,00	2.806,20	-	(465,00)	-	(139,50)	8.889,00	2.666,70
2.1	Thu từ HĐKD của các hộ kinh doanh	4.350,00	1.305,00	-	(465,00)	-	(139,50)	3.885,00	1.165,50

STT	Nội dung thu	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO NĂM 2022		PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH				DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	
		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã	Tổng số		Trong đó: Ngân sách xã		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	- Lệ phí môn bài	200,00	60,00					200,00	60,00
	- Thuế giá trị gia tăng	4.150,00	1.245,00		(465,00)		(139,50)	3.685,00	1.105,50
2.2	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	80,00	24,00					80,00	24,00
2.3	Thuế tài nguyên	226,00	67,80					226,00	67,80
2.4	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	1.300,00	390,00					1.300,00	390,00
2.5	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động kinh doanh	2.048,00	614,40					2.048,00	614,40
2.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150,00	45,00					150,00	45,00
2.7	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.200,00	360,00					1.200,00	360,00
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	2.281,80	2.281,80	139,50	-	139,50	-	2.421,30	2.421,30
I	Bổ sung trợ cấp cân đối ngân sách	2.281,80	2.281,80	139,50		139,50		2.421,30	2.421,30
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-					-	-
C	PHƯỜNG CHIỀNG COI	6.828,00	4.350,00	195,00	(650,00)	195,00	(195,00)	6.373,00	4.350,00
	TỔNG THU NGÂN SÁCH:	6.828,00	4.350,00	195,00	(650,00)	195,00	(195,00)	6.373,00	4.350,00
A	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	6.828,00	6.829,00	6.830,00	6.831,00	6.832,00	6.833,00	20.489,00	20.494,00
I	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	3.612,00	1.134,00	-	(650,00)	-	(195,00)	2.962,00	939,00
1	Các khoản thu hưởng 100%	72,00	72,00	-	-	-	-	72,00	72,00
1.1	Thu hoa lợi công sản	15,00	15,00					15,00	15,00
1.2	Thu khác ngân sách	10,00	10,00					10,00	10,00
1.3	Thu phí, lệ phí tại xã, phường	47,00	47,00					47,00	47,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	3.540,00	1.062,00	-	(650,00)	-	(195,00)	2.890,00	867,00
2.1	Thu từ HDKD của các hộ kinh doanh	518,00	155,40	-	-	-	-	518,00	155,40

STT	Nội dung thu	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO NĂM 2022		PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH				DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	
		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã	Tổng số		Trong đó: Ngân sách xã		Tổng số	Trong đó: Ngân sách xã
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	- Lệ phí môn bài	18,00	5,40					18,00	5,40
	- Thuế giá trị gia tăng	500,00	150,00				-	500,00	150,00
2.2	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	274,00	82,20					274,00	82,20
2.3	Thuế tài nguyên	1.413,00	423,90		(650,00)		(195,00)	763,00	228,90
2.4	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	660,00	198,00					660,00	198,00
2.5	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động kinh doanh	250,00	75,00					250,00	75,00
2.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75,00	22,50					75,00	22,50
2.7	Lệ phí trước bạ nhà đất	350,00	105,00					350,00	105,00
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	3.216,00	3.216,00	195,00	-	195,00	-	3.411,00	3.411,00
1	Bổ sung trợ cấp cân đối ngân sách	3.216,00	3.216,00	195,00		195,00		3.411,00	3.411,00
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-					-	-

CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến

